

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 06/3/2020.

“V/v tranh chấp xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hiểu**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Hồ Thị B và ông Lê Văn N đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1995, bà B và ông Lê Văn N có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, cuộc sống không hòa hợp, thường xuyên cự cãi và cả hai đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay. Bà không còn tình cảm yêu thương nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đã mâu thuẫn trầm trọng. Do đó Bà B yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Bà B và ông N có với nhau 02 người con chung là: Lê Thị Yến L, sinh năm 1998 và Lê Văn N, sinh năm 2000. Cả hai đều đã trưởng thành nên bà B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà B không yêu cầu gì khác.

Tại lời khai ngày 12/2/2020 bị đơn ông Lê Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1995, ông và bà B có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do hòa hợp, thường xuyên cự cãi và cả hai đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay. Nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông N và ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có với nhau 02 người con chung là: Lê Thị Yến L, sinh năm 1998 và Lê Văn N, sinh năm 2000. Cả hai đều đã trưởng thành nên ông N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông N không ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc nguyên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị B và ông Lê Văn N là vợ chồng; Về quan hệ con chung: Em Lê Thị Yến L, sinh năm 1998 và Lê Văn N, sinh năm 2000. Cả hai đều đã trưởng thành, bà B và ông N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Bà B, ông N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Buộc Hồ Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn mà bị đơn ông Lê Văn N cư trú tại ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng

Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc xét xử vụ án khi bà B và ông N đều có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] - Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông N thống nhất xác định ông bà tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc từ năm 1995 nhưng đến nay không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Nay bà B yêu cầu ly hôn với ông N mặc dù được ông N đồng ý nhưng theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Hồ Thị B và ông Lê Văn N là vợ chồng.

[2] - Về con chung: Bà B và ông N xác định, ông bà có chung 02 người con là Lê Thị Yến L, sinh năm 1998 và Lê Văn N, sinh năm 2000. Do em L và N đã trưởng thành và bà B, ông N đều không có yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] - Về tài sản chung: Bà Hồ Thị B và ông Lê Văn N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4]- Về án phí: Buộc bà Hồ Thị B phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ nhưng được khấu trừ số tiền bà đã dự nộp án phí. Ông Lê Văn N không phải chịu nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị B và ông Lê Văn Nh là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Em Lê Thị Yến L, sinh năm 1998 và Lê Văn N, sinh năm 2000. Cả hai đều đã trưởng thành, bà Hồ Thị B và ông Lê Văn N đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị B và ông Lê Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị bà Hồ Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng. Ghi nhận bà B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002935 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu toàn bộ án phí.

Ông Lê Văn N không phải chịu nộp án phí.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bạc Liêu;
- Viện KSND huyện Hồng Dân ;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Các đương sự;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Bé Nhi